TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2025
"V/v ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Cẩm T** , sinh ngày 17/8/1997

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn K** , sinh ngày 15/12/1985

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không yêu thương, quan tâm chăm sóc chị mà thường xuyên uống rượu, mỗi lần vợ chồng xảy ra cự cãi anh K có hành vi bạo lực đối với chị. Do không chịu đựng được nên chị đã ly thân anh K từ tháng 3/2025. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn với anh K .

Về con chung: Chị và anh K có 01 người con chung là Lê Bảo A, sinh ngày 11/9/2015, đang sống chung với anh K . Khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh K nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn K vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh K vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh K ; giao con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp

dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K .

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị T cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không yêu thương, quan tâm, chăm sóc chị mà thường xuyên uống rượu, mỗi lần vợ chồng xảy ra cự cãi anh K có hành vi bạo lực đối với chị. Do không chịu đựng được nên chị đã ly thân anh K từ tháng 3/2025. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, không thể tiếp tục sống chung. Còn anh K vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị T và anh K có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T , cho chị ly hôn với anh K .

[4] Về con chung: Chị T và anh K có 01 người con chung là Lê Bảo A, sinh ngày 11/9/2015, hiện con đang sống với anh K . Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh K nuôi. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu Bảo A do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, cháu A cũng có nguyện vọng là được sống chung với anh K . Anh K có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh K được

tiếp tục nuôi dưỡng con. Chị T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh K vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh K không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T , miễn, giảm, T , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Cẩm T được ly hôn với anh Lê Văn K .

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Bảo A, sinh ngày 11/9/2015 cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh K vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Chị T xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị T xác định anh chị không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai T số 0015189 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7).

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh